

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3041/TCT-CS
V/v trả lời chính sách thuế

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Công ty Luật TNHH Thiện Minh Long
(Địa chỉ: BT1.D13 Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 5943/VPCP-ĐMDN ngày 05/7/2019 của Văn phòng Chính Phủ kèm theo kiến nghị của Công ty Luật TNHH Thiện Minh Long về thuế thu nhập doanh nghiệp. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Chi phí lãi vay từ trước Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính Phủ có hiệu lực:

- Tại Khoản 1 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13 quy định.

“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật”.

- Tại Điểm g Khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13 quy định khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

“g) Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay;”

- Tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết quy định:

“Điều 1. Đối tượng áp dụng

Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi là doanh nghiệp) thực hiện giao dịch kinh doanh với các bên có quan hệ liên kết, có nghĩa vụ kê khai, xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Các giao dịch mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, chuyển giao hoặc chuyển nhượng hàng hóa, dịch vụ trong quá trình kinh doanh (được gọi chung là giao dịch kinh doanh) giữa các bên có quan hệ liên kết, trừ các giao dịch kinh doanh giữa doanh nghiệp tại Việt Nam với các bên có quan hệ liên kết liên quan đến các sản phẩm thuộc diện điều chỉnh giá của Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá”.

- Tại Điều 1 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính và Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2014 và thay thế Thông tư số 60/2012/TT-BTC nêu trên) hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định đối tượng áp dụng:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) hoặc cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng DDP, DAT, DAP (Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms)”.

- Theo Công ty Luật TNHH Thiện Minh Long thì Công ty A vay vốn của chủ sở hữu (quốc tịch Singapore) do đó thuộc diện điều chỉnh tại Thông tư số 12/2014/TT-NHNN ngày 31/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính Phủ bảo lãnh.

Do nội dung Công ty Luật TNHH Thiện Minh Long hỏi không nêu cụ thể thông tin hồ sơ có liên quan đến chi phí lãi vay nước ngoài của Công ty A như Hợp đồng vay vốn, thời điểm vay vốn, điều kiện vay vốn, nghĩa vụ kê khai nộp thuế của các bên (bên nước ngoài tự kê khai, nộp thuế hay bên đi vay kê khai và nộp thuế thay) cũng như các phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến khoản vay (nếu có) ... do đó không có đầy đủ cơ sở để xem xét trả lời cụ thể.

Đề nghị Công ty Luật TNHH Thiện Minh Long hướng dẫn Công ty A trên cơ sở các quy định nêu trên, các thông tin hồ sơ có liên quan đến chi phí lãi vay nước ngoài và liên hệ trực tiếp với cơ quan quản lý thuế trực tiếp để được hướng dẫn xác định cụ thể theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chi phí thuê dịch vụ của doanh nghiệp nước ngoài

Tại Khoản 1 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13 quy định:

“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ theo các quy định nêu trên thì về nguyên tắc trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13) doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều 9 nêu trên. Đề nghị Công ty Luật TNHH Thiện Minh Long hướng dẫn Công ty X trên cơ sở các thông tin hồ sơ có liên quan đến chi phí thuê dịch vụ của doanh nghiệp Y (quốc tịch Nhật bản) và liên hệ trực tiếp với cơ quan quản lý thuế trực tiếp để được hướng dẫn xác định cụ thể theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính Phủ (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Chính Phủ;
- Vụ Đối mới doanh nghiệp (VPCP);
- Phòng TM&CN Việt Nam (VCCI);
- Văn phòng Bộ (để b/cáo);
- Phó TCTr Nguyễn Thế Mạnh (để b/c);
- Cục Thuế thành phố Hà Nội;
- Vụ PC (TCT);
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS (3b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH**

Lưu Đức Huy